

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)
QUÝ III NĂM 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	minh	Quý III		Năm 2009	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Đơn vị tính: VND
			Năm 2010	Năm 2009		Năm 2010	Năm 2009	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	681,174,370,339	654,275,880,616		2,158,267,041,611	2,089,411,265,527	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	10,397,322,588	4,099,043,038		11,328,734,801	13,650,576,042	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	670,777,047,751	650,176,837,578		2,146,938,306,810	2,075,760,689,485	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	517,367,375,184	535,394,396,798		1,741,537,098,987	1,710,411,257,335	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		153,409,672,567	114,782,440,780		405,401,207,823	365,349,432,150	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14,194,666,625	18,414,644,819		47,960,328,065	46,377,750,732	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	19,646,742,281	28,223,936,815		55,393,558,824	87,186,697,148	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11,945,421,716	7,707,485,236		34,532,876,062	37,005,208,134	
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	61,960,683,175	42,773,722,543		156,372,120,544	116,635,300,266	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10,272,773,976	10,400,155,899		36,675,581,778	27,095,735,515	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		75,724,139,761	51,799,270,342		204,920,274,742	180,809,449,953	
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1,074,861,542	440,145,872		2,654,703,768	3,674,695,402	
12. Chi phí khác	32	VI.8	41,813,275	62,594,463		175,356,245	4,190,506,984	
13. Lợi nhuận khác	40		1,033,048,267	377,551,409		2,479,347,523	(515,811,582)	
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-		-	-	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		76,757,188,028	52,176,821,751		207,399,622,265	180,293,638,371	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	12,291,082,738	4,998,866,740		35,797,058,911	16,784,016,286	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(2,858,514,505)	(510,856,763)		(4,235,113,033)	4,095,632,965	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		67,324,619,795	47,688,811,774		175,837,676,387	159,413,989,120	
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		4,918,718,233	4,280,987,347		6,558,066,990	12,883,046,695	
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		62,405,901,562	43,407,824,427		169,279,609,397	146,530,942,425	
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	625	1,552		3,619	4,884	

Đồng lập, ngày 19 tháng 11 năm 2010



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc